TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2026
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển
2. Ông Phùng Văn Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Phạm Tiến Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Hà Huy T, sinh năm 1967. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hà Huy T kết hôn ngày 21/4/1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh V (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh P) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn bà về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà ông T ở thôn An Lão Xuôi, xã Vĩnh Phú, đến năm 1997 thì vợ chồng ra ăn ở riêng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, đến năm 2004 do kinh tế khó khăn nên bà phải đi xuất khẩu lao động, thì từ lúc đấy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn kéo dài triền miên. Năm 2023 bà cũng đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, đề nghị

giải quyết ly hôn với ông T nhưng lại rút đơn. Sau đó bà tiếp tục đi xuất khẩu lao động, trong khoảng thời gian từ đó đến nay giữa bà và ông Thường không liên lạc gì với nhau. Tháng 10 năm 2025 bà về nước và về chung sống cùng nhà với ông T nhưng hai vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc hay có trách nhiệm với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thường.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Hà Kiều O, sinh ngày 25/9/1993 và Hà Quốc K, sinh ngày 31/8/1997. Hiện cả hai con đều đã thành niên nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Huy T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhung. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Hà Huy T.

- Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Hà Huy T. Bị đơn ông Thường cư trú tại xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 năm 2025).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Hà Huy T. Mặc dù ông T có mặt tại địa phương và biết việc bà Nguyễn Thị N nộp đơn xin ly hôn, nhưng ông không đến Tòa án làm việc, thể hiện thái độ không hợp tác. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Thường.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Hà Huy T đăng ký kết hôn ngày 21/4/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, không bị cưỡng ép, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương. Sau đó thì bà N đi xuất khẩu lao động suốt từ năm 2004 đến nay. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết việc bà N khởi kiện xin ly hôn, ông Thường không đến Tòa án làm việc, thể hiện thái độ thiếu thiện chí, không còn mong muốn đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Hà Huy T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nhung xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Kiều O, sinh ngày 25/9/1993 và Hà Quốc K, sinh ngày 31/8/1997. Hiện cả hai con đều đã thành niên nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Hà Huy T vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hà Huy T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003663 ngày 16/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bà Nguyễn Thị Ng đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Minh Tuấn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**